

**WOMEN IN THE LY DYNASTY
IMPERIAL PALACE AND THEIR ROLE
IN THE POLITICAL AND SOCIAL LIFE
OF DAI VIET IN THE 11TH–13TH
CENTURIES**

Tran Thi Thai Ha

Saigon University, Ho Chi Minh, Vietnam

*Corresponding author: Tran Thi Thai Ha,

e-mail: tttha@sgu.edu.vn

Received October 20, 2025.

Revised December 4, 2025.

Accepted February 22, 2026.

**PHỤ NỮ TRONG HOÀNG CUNG
TRIỀU LÝ VỚI ĐỜI SỐNG
CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI ĐẠI VIỆT
THẾ KỈ XI-XIII**

Trần Thị Thái Hà

*Trường Đại học Sài Gòn, Hồ Chí Minh,
Việt Nam*

*Tác giả liên hệ: Trần Thị Thái Hà,

e-mail: tttha@sgu.edu.vn

Ngày nhận bài: 20/10/2025.

Ngày sửa bài: 4/12/2025.

Ngày nhận đăng: 22/2/2026.

Abstract. In medieval Vietnamese historical sources, palace women surface only in scattered, fragmentary glimpses, and their presence is framed more through lineage and moral virtue than through their political roles. This gap calls for a reconsideration of women's place in the governance of the realm. On that basis, this study examines those Lý-dynasty palace women whom the official chronicles describe with relative clarity, treating them as figures who made substantive contributions to the political and social life of the eleventh to thirteenth centuries. Drawing on insights from women's history and gender history to situate each individual within her contemporary political context, the article analyzes three characteristic modes of participation in power: regency, political marriage, and succession. In so doing, it clarifies the historical, social, and cultural conditions that enabled Lý palace women to take part in governing the country and to help sustain dynastic stability. At the same time, it shows that reading the sources through the lens of gender history brings to light forms of political participation that official historiography has rarely foregrounded.

Keywords: Lý dynasty, palace women, empress dowager, empress, princess.

Tóm tắt. Trong sử liệu Việt Nam trung đại, sự hiện diện của phụ nữ hoàng cung xuất hiện tản mạn, chủ yếu nhắc đến thân thế hoặc đức hạnh hơn là phản ánh vai trò chính trị của họ. Khoảng trống này đặt ra yêu cầu nhận diện lại vị trí của phụ nữ trong hoạt động quản trị quốc gia. Trên cơ sở đó, bài viết khảo sát những trường hợp phụ nữ hoàng cung triều Lý được chính sử ghi chép tương đối rõ, như những nhân vật có đóng góp đáng kể đối với đời sống chính trị - xã hội thế kỉ XI-XIII. Bằng việc vận dụng những gợi mở từ hướng nghiên cứu lịch sử phụ nữ và lịch sử giới nhằm nhận diện vị trí và vai trò của từng cá nhân trong bối cảnh chính trị đương thời, bài viết phân tích ba phương thức tham dự quyền lực tiêu biểu: nhiếp chính, hôn nhân chính trị và kế vị. Qua đó, bài viết làm rõ những điều kiện lịch sử - xã hội - văn hoá tạo môi trường cho phụ nữ hoàng cung triều Lý tham gia trị nước và góp phần duy trì ổn định triều đình. Đồng thời, cho thấy việc tiếp cận sử liệu từ góc độ lịch sử giới giúp phát hiện những hình thức tham dự chính trị vốn ít được chính sử nhấn mạnh.

Từ khóa: Vương triều Lý, phụ nữ hoàng cung, thái hậu, hoàng hậu, công chúa.

1. Mở đầu

Lịch sử vương triều Lý cho thấy, phụ nữ trong hoàng cung là nhân tố quan trọng trong nhiều diễn biến chính trị của đất nước. Tuy nhiên, những ghi chép ít ỏi về chủ thể nữ nói chung, phụ nữ hoàng cung nói riêng trong các bộ chính sử thời trung đại phản ánh cách nhìn chịu ảnh hưởng Nho giáo của các sử gia phong kiến, như Yu Insun đã chỉ ra qua lời bình của Lê Văn Hưu và Ngô Sĩ Liên: "... Có thể phán đoán một cách có cơ sở rằng dưới lời bình này là thái độ Nho giáo đánh giá thấp vai trò xã hội của người phụ nữ" [1; 97]. Trên thực tế, khi đặt hệ thống tư liệu từ nhiều nguồn khác nhau trong bối cảnh cung đình triều Lý với các mối quan hệ đan xen phức tạp giữa gia tộc, quyền lực và chính trị, cho thấy một bức tranh đa dạng hơn nhiều so với những ghi chép giản lược của chính sử. Mặc dù vậy, cho đến nay vẫn thiếu những nghiên cứu hệ thống xem xét phụ nữ hoàng cung triều Lý như một nhóm xã hội-chính trị đặc thù, liên quan mật thiết đến quyền lực cung đình và chiến lược quản trị đất nước, bảo vệ lãnh thổ, đặc biệt khu vực biên viễn phía Bắc. Điều này đặt ra câu hỏi: Phụ nữ hoàng cung triều Lý đã tham dự vào đời sống chính trị bằng những cơ chế nào? Vai trò của họ được định hình bởi những điều kiện lịch sử, xã hội, văn hoá ra sao? Trên cơ sở phân tích tư liệu chính sử, văn bia, tư liệu địa phương, bài viết sẽ tập trung khảo sát một số phụ nữ cung đình triều Lý. Họ là những người để lại dấu ấn rõ nét trong sử liệu, tham dự vào hoạt động quản trị quốc gia. Bài viết cũng làm rõ các dạng thức tham chính (nhập chính, hôn nhân chính trị, kế vị) của nhóm phụ nữ hoàng cung này; phân tích những điều kiện lịch sử - xã hội- văn hoá tác động tới hoạt động chính trị của họ, tiếp cận từ hướng nghiên cứu lịch sử phụ nữ/ giới.

Một số công trình có tính chất gợi mở cho nghiên cứu về lịch sử phụ nữ, giới và vai trò của phụ nữ trong xã hội Việt Nam tiền hiện đại và hiện đại có thể kể đến như: *Phụ nữ và giới* của Bùi Thị Tinh [2], *Từ thực tiễn văn học Việt Nam, góp thêm một tiếng nói phương pháp luận vào cuộc thảo luận quốc tế về vấn đề Nho giáo và nữ quyền* của Trần Nho Thìn [3], *Một số quan điểm về phụ nữ trong lịch sử tư tưởng trước Mác* của Trương Trần Hoàng Phúc [4], *Bình đẳng giới trong lãnh đạo chính trị ở Việt Nam nhìn từ góc độ cấu trúc* của Lê Thị Thục [5]. Bài *Lịch sử giới của giới tinh hoa cầm quyền trong bối cảnh các nghiên cứu trung cổ của các học giả Đức và Pháp* của T.I. Zaytseva [6] cho thấy các trường phái sử học ở Đức, Pháp, Nga quan tâm có hệ thống đến tiêu sử, hành trạng, vai trò của các nữ hoàng và công chúa, đặc biệt khi đặt trong không gian cung đình, dựa trên khung lý thuyết của lịch sử giới và lịch sử phụ nữ. Ở Việt Nam, một số công trình tiêu biểu có đề cập đến tiêu sử, hành trạng của phụ nữ hoàng cung thời Lý như: *Những người phụ nữ nổi tiếng trong lịch sử Việt Nam* [7] do Thu Hiền sưu tầm, biên soạn; Ngô Văn Cường với *Hoàng thái hậu Ý Lan qua các nguồn sử liệu* [8]; Trần Văn Lượng với *Về mối quan hệ thân tộc của nhà Lý trên đất Bắc Giang* [9]; Trần Thị Thái Hà với *Chính sách dân tộc của vương triều Lý qua trường hợp phò mã Dương Tự Minh* [10]; Trần Quốc Vượng trong *Phụ nữ Việt Nam từ góc nhìn văn hoá* [11]; *Những gương mặt phụ nữ Việt Nam (qua tư liệu Hán Nôm)* do Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Bảo tàng phụ nữ Việt Nam biên soạn [12], *Vương triều Lý (1009-1226)* do Nguyễn Quang Ngọc chủ biên [13]. Bên cạnh đó, bài viết *Giáo dục và khoa cử Nho học thời Lý (thế kỉ XI-XIII)* của Trần Thị Thái Hà [14], *Cống phẩm trong mối quan hệ giữa địa phương và chính quyền trung ương dưới triều Lý (1009-1225) qua nguồn tư liệu thư tịch cổ của Việt Nam* [15] của Nguyễn Thu Hiền cũng góp phần tái hiện bối cảnh lịch sử đã ảnh hưởng, chi phối hành vi chính trị của nhóm phụ nữ hoàng cung triều Lý. Nhìn chung, các công trình trên tuy có đề cập tới một số nhân vật nữ, nhưng chưa phân định và nhìn nhận phụ nữ hoàng cung triều Lý như một nhóm xã hội có vai trò quan trọng trong cấu trúc quyền lực cũng như chính sách cai trị của vương triều.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Bối cảnh chính trị - xã hội thời Lý và ảnh hưởng của nó tới vị thế của phụ nữ hoàng cung

Nhà Lý từ vị vua đầu tiên là Lý Thái Tổ đã hướng tới xây dựng một vương triều quân chủ tập quyền vững mạnh; dùng nhiều biện pháp đẩy nhanh quá trình quý tộc hoá dòng họ Lý, đồng thời tạo ra một tầng lớp quý tộc quan lại đủ về số lượng và phẩm chất, năng lực để nắm giữ chính quyền. Nhà vua đề cao vai trò của ngoại thích, đưa người thân của các hoàng hậu vào nắm chính quyền như một lực lượng của nội tộc họ Lý [16; 537].

Từ năm 1010, kinh đô Thăng Long không chỉ giản đơn là toà thành với chức năng chính trị, hành chính, phòng thủ... mà ẩn chứa tầng sâu trong nó cả cấu trúc quyền lực tổ chức theo lãnh thổ; thuận lợi cho sự khởi phát và lan truyền quyền lực từ trung tâm đến ngoại vi [17; 104]. Bên cạnh đó, vùng biên viễn Đại Việt cũng đặt ra nhiều vấn đề khó khăn cho chính quyền trung ương bởi sự tồn tại của nhiều thế lực địa phương ở khu vực này. Do đó, triều Lý vừa củng cố Thăng Long, đồng thời gia tăng mối quan hệ, quản lí các vùng biên viễn phía Đông Bắc và Tây Bắc của kinh thành, nơi cư trú lâu đời của các tộc người.

Song song với việc củng cố bộ máy nhà nước bằng cách tạo dựng tầng lớp quý tộc dòng họ, người thân tín, người có công phò tá thì vương triều Lý cũng tính đến một thế lực khác, có ảnh hưởng xã hội rộng lớn, đó chính là tôn giáo, tín ngưỡng. Bệ đỡ tư tưởng của thiết chế chính trị thời Lý là sự hài hoà giữa Phật, Đạo, Nho với chất keo dính kết là tinh thần dân tộc và chủ nghĩa yêu nước của người Việt [18; 24]. Phật giáo rất phát triển ở thời Lý, có ảnh hưởng sâu rộng đến mọi tầng lớp xã hội, từ vua quan đến dân thường. Quan niệm truyền thống Phật giáo cho rằng tất cả phụ nữ về tạo hoá, cùng chia sẻ sức mạnh với các nữ thần [4; 33]. Mọi chúng sinh đều có thể tu hành và giác ngộ để đạt đến niết bàn. Điều này ít nhiều tạo ra một môi trường tư tưởng cởi mở hơn cho phụ nữ. Hơn thế, Phật giáo đề cao tình mẫu tử, sự hiếu thảo với đấng sinh thành; lòng từ bi, tôn trọng vai trò người mẹ là điểm hòa hợp với tín ngưỡng thờ nữ thần vốn có trong dân gian [19; 95], góp phần củng cố vị trí của người phụ nữ trong gia đình và xã hội. Nhiều hoàng hậu, công chúa hoặc phu nhân quan lại đã tích cực tham gia vào các hoạt động công đức và từ thiện như xây chùa, đúc chuông, cúng dường, bố thí... Những hoạt động này không chỉ thể hiện lòng mộ đạo mà còn nâng cao vị thế của họ trong cộng đồng mà Nguyên phi Ý Lan là một trường hợp tiêu biểu.

Thời kì này, Nho giáo cũng bắt đầu có ảnh hưởng nhất định trong tư tưởng và giáo dục. Tuy nhiên, phương thức tuyển lựa quan lại của nhà Lý vẫn chủ yếu ưu tiên tôn thất, thân tín để bổ dụng. Đây là một điều kiện thuận lợi cho người thân của các hoàng hậu, phi tần có cơ hội tham chính, thao túng triều chính, nhất là khi các vị vua lên ngôi lúc còn nhỏ tuổi.

Nho giáo đề cao “tam tòng, tứ đức” nhằm ràng buộc người phụ nữ vào khuôn khổ gia đình và xã hội, nhưng ở thời Lý, sự ảnh hưởng này chưa sâu và không cứng nhắc như các triều đại sau này. Truyền thống thờ nữ thần tồn tại trong dân gian như một đặc trưng cơ bản của tín ngưỡng cư dân nông nghiệp cùng với truyền thống đề cao vai trò của những người bà, người mẹ trong việc duy trì sự sống, sản xuất, đã củng cố vị thế không thể phủ nhận của phụ nữ nói chung trong gia đình và cộng đồng. Ở thế kỉ XI-XIII, điều này tạo ra khả năng tự chủ và không gian xã hội rộng lớn cho phụ nữ thời Lý, đặc biệt là phụ nữ hoàng cung có điều kiện tham gia vào đời sống chính trị - xã hội của đất nước.

2.2. Khái quát về phụ nữ hoàng cung triều Lý

Trong thời gian trị vì của vương triều Lý, một số phụ nữ hoàng cung xuất hiện trong sử liệu, gắn với những diễn biến chính trị quan trọng của vương triều. Họ thuộc tầng lớp có địa vị cao nhất trong xã hội Đại Việt khi đó, được xác lập bởi quan hệ huyết thống hoặc hôn nhân với nhà vua. Với vị thế ấy, họ sống trong hoàng cung, gần gũi với nhà vua và có nhiều cơ hội tiếp xúc với hàng ngũ quan lại.

Không có tài liệu nào mô tả hệ thống thứ bậc của nhóm phụ nữ trong hoàng cung nhà Lý. Chính sử có chép duy nhất một sự kiện về việc nhà Lý chia đặt thứ bậc hậu cung vào năm 1041, “mùa hạ, tháng 5, đặt phẩm cấp các cung nữ, hoàng hậu và phi tần 13 người, ngự nữ 18 người,

nhạc kĩ hơn 100 người” [20; 329]. Trong nghiên cứu này, do điều kiện về tư liệu, chúng tôi chỉ tập trung tìm hiểu một số phụ nữ hoàng cung được sử liệu ghi nhận, thuộc hàng thái hậu, hoàng hậu, công chúa.

Theo *Đại Việt sử kí toàn thư*, hai vị vua đầu của vương triều là Lý Thái Tổ, Lý Thái Tông phong cho mẹ mình là thái hậu. Từ đời các vị vua sau trở đi đều xuất hiện danh vị hoàng thái hậu. Hoàng thái hậu trong phần lớn các trường hợp là mẹ đẻ của vua, nhưng cũng có ngoại lệ như trường hợp hoàng thái hậu Thượng Dương (mẹ đích) thời Lý Nhân Tông; Lý Thần Tông phong cả mẹ đẻ và mẹ nuôi làm hoàng thái hậu [20; 377, 381]. Số lượng hoàng thái hậu, thái hậu của một triều vua, theo đó cũng khó xác định.

Dưới triều Lý, việc phong hoàng hậu diễn ra nhiều lần và không bị giới hạn bởi số lượng hay quy tắc cố định. Lý Thái Tổ ngay khi mới lên ngôi đã lập 6 hoàng hậu [20; 294]. Năm 1016, ông lập tiếp 3 hoàng hậu [20; 302]. Đặc biệt, Lập Giáo hoàng hậu hai lần được phong hoàng hậu vào các năm 1009 và 1016. Về sự kiện này, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* ghi rõ: Điều này sử cũ chắc có lầm lẫn, nhưng hãy cứ chép lại đó, sẽ khảo sau. [21; 294]. Vua Lý Thái Tông khi vừa lên ngôi cũng lập 7 hoàng hậu [20; 313]. Ở những đời vua hiếm muộn như Lý Thánh Tông, hoặc không có con trai như Lý Nhân Tông, hậu cung của nhà vua chắc hẳn rất đông đúc. *Đại Việt sử kí toàn thư* chép: “Bây giờ vua không có con trai nên cho lập nhiều hoàng hậu và cung nhân, làm đàn chay để cầu tự” [20; 362]. Việc xác định số lượng hoàng hậu triều Lý gặp nhiều khó khăn do danh phận của họ thường biến động theo mức độ sủng ái và cả việc lựa chọn người kế vị của nhà vua. Thành phần xuất thân của họ cũng khá đa dạng, từ con nhà quan lại quyền quý cho tới bình dân; có người Việt lẫn người ngoại tộc (Chiêm Thành); có người miền đồng bằng và có cả người miền rừng núi (châu Chân Đẳng).

Tương tự như vậy, chính sử ghi chép không đầy đủ thông tin về các công chúa thời Lý. Công chúa nhà Lý có thể là con đẻ, nhưng cũng có thể là con nuôi của vua (trường hợp công chúa Ngọc Kiều). Điều này nằm trong một chiến lược lớn của vương triều Lý, được sử dụng như một trong nhiều biện pháp củng cố thể chế quân chủ, đẩy nhanh quá trình quý tộc hoá dòng họ Lý thông qua việc phong chức tước cho con cháu những người thân trong họ hàng [16; 535]. Về quyền lợi, các công chúa được hưởng bổng lộc theo quy định của triều đình như Chi dụ của nhà vua năm 1013 nêu rõ: “cho các vương hầu công chúa được quản các thuế theo thứ bậc khác nhau” [20; 301].

Bảng 1. Nhóm phụ nữ hoàng cung triều Lý qua một số bộ sử trung đại

STT	Các vị vua	Hoàng thái hậu, thái hậu	Hoàng hậu	Công chúa
1	Lý Thái Tổ (1009-1028)	Minh Đức thái hậu	- Năm 1010, lập 6 hoàng hậu - Năm 1016, lập lại 3 hoàng hậu: Tá Quốc, Lập Nguyên, Lập Giáo	13 công chúa (không rõ tên)
2	Lý Thái Tông (1028-1054)	Linh Hiển thái hậu	- Năm 1028, lập 7 hoàng hậu - Năm 1035, lập Thiên Cảm hoàng hậu	- Công chúa Bình Dương - Công chúa Kim Thành - Công chúa Trường Ninh - Công chúa Khánh Thành

3	Lý Thánh Tông (1054-1072)	- Thái hậu Linh Cảm - Kim Thiên hoàng thái hậu	Hoàng hậu Thượng Dương	- Công chúa Từ Thực - Công chúa Từ Huy - Công chúa Động Tiên - Công chúa Thiên Thành - Công chúa Ngọc Kiều (con nuôi)
4	Lý Nhân Tông (1072-1128)	- Hoàng thái hậu Thượng Dương - Linh Nhân hoàng thái hậu	- Hoàng hậu Lan Anh - Hoàng hậu Khâm Thiên - Hoàng hậu Chấn Bảo	- Công chúa Khâm Thánh - Công chúa Diên Bình
5	Lý Thần Tông (1128-1138)	- Thần Anh hoàng thái hậu - Đỗ thị hoàng thái hậu	- Lê Thiên hoàng hậu - Lý thị hoàng hậu	- Công chúa Thụy Thiên - Công chúa Thụy Minh
6	Lý Anh Tông (1138-1175)	Cảm Thánh hoàng thái hậu		- Công chúa Thiệu Dung - Công chúa Thiên Thành
7	Lý Cao Tông (1176-1210)	- Chiêu Thiên Chí Lý hoàng thái hậu - Chiêu Linh thái hậu	- An Toàn hoàng hậu - Hoàng hậu Đàm thị	
8	Lý Huệ Tông (1211-1224)	An Toàn hoàng thái hậu	- Hoàng hậu Trần Thị Dung	- Công chúa Thuận Thiên - Công chúa Chiêu Thánh

(Nguồn: [20], [21], [22])

Bảng trên thể hiện những phụ nữ hoàng cung triều Lý được một số bộ sử trung đại ghi lại, thuộc về các nhóm hoàng thái hậu/thái hậu, hoàng hậu, công chúa. Quy mô và mức độ hiện diện của từng nhóm thay đổi theo từng triều vua, phản ánh danh phận và vị thế người phụ nữ trong hậu cung nhà Lý. Thống kê này tạo cơ sở để bài viết khảo sát sâu hơn vai trò và các hình thức tham dự của phụ nữ hoàng cung trong hoạt động quản trị quốc gia cũng như các lĩnh vực khác của Đại Việt trong thế kỉ XI-XIII.

2.3. Vai trò của phụ nữ hoàng cung trong đời sống chính trị - xã hội Đại Việt thời Lý

2.3.1. Phụ nữ hoàng cung trong vai trò nhiếp chính

Trong lịch sử chính trị triều Lý, vị trí của phụ nữ trong hoàng cung đạt được đỉnh cao nhất qua việc nắm quyền nhiếp chính. Đây là trường hợp đặc biệt khi những phụ nữ, thường là hoàng hậu hay thái hậu, trực tiếp tham dự vào việc quản lí triều chính trong bối cảnh nhà vua còn nhỏ tuổi, vắng mặt do chinh chiến, hoặc đột ngột băng hà. *Đại Việt sử kí toàn thư* ghi nhận một số trường hợp điển hình, trong đó nổi bật nhất là hoàng thái hậu Ý Lan.

Hoàng thái hậu Ý Lan quê ở hương Thổ Lỗi, mang họ Lê với nhiều tên gọi khác nhau như Lê Thị Yên Loan, Lê Thị Yên, Lê Thị Khiết [8; 62]. Trong chuyến đi đến các chùa quán để cầu tự, vua Lý Thánh Tông đã tình cờ gặp và đưa bà về Thăng Long, phong làm Ý Lan phu nhân

[20; 344]. Theo *Thần tích*, bà sinh ra trong một gia đình có truyền thống thi lễ. Trong hoàng cung bà càng khiêm tốn, nhân từ, được nhà vua hết lòng sùng ái [23; 269].

Năm 1066, khi sinh hạ hoàng thái tử Càn Đức, bà được vua phong làm thần phi [20; 345]. Hai năm sau, bà sinh tiếp hoàng tử thứ hai là Minh Nhân Vương, thì nhà vua phong bà lên làm nguyên phi và đổi quê của bà thành hương Siêu Loại [20; 347]. Đây là cách trọng thị đặc biệt của vua Lý Thánh Tông đối với bà mà không hoàng hậu hay phi tần nào có được.

Ỗ Lan là người ham học hỏi nên hiểu biết nhiều [11; 81]. Chính điều đó đã nâng tầm vóc của bà trong mắt vua Lý Thánh Tông và đồng thời là sự chuẩn bị tri thức để khi đàm đạo với các cao tăng, bà chiếm được sự nể trọng của họ.

Theo chính sử, Ỗ Lan hai lần nắm quyền nhiếp chính. Ngay từ lần đầu tiên, bà đã cho thấy bản lĩnh chính trị vượt lên giới hạn truyền thống dành cho phụ nữ. Sử chép: Năm 1069, mùa xuân, tháng 2, vua đi đánh Chiêm Thành [20; 347]. Trận này vua đánh mãi không được, đem quân về đến châu Cư Liên, nghe tin nguyên phi Ỗ Lan giúp việc nội trị, lòng dân cảm hoá, hoà hợp. Trong cõi vững vàng, tôn sùng Phật giáo, dân gọi là bà Quan Âm [20; 347]. Sự kiện này cho thấy tài năng chính trị sắc sảo của nguyên phi, và phần nào nhờ một hậu phương vững chắc như vậy mà công cuộc trị nước của Lý Thánh Tông thêm vững vàng.

Lần thứ hai bà nắm quyền nhiếp chính là năm 1072, khi Lý Thánh Tông qua đời. Hoàng thái tử Càn Đức mới 6 tuổi lên ngôi. Tình huống chính trị này tất yếu đặt quyền lực triều đình vào tay các phụ nữ trong hoàng cung. Sử chép: nhà vua “tôn mẹ đẻ là nguyên phi làm hoàng thái phi, mẹ đích là Thượng Dương thái hậu làm hoàng thái hậu, buông rèm cùng nghe chính sự. Thái sư Lý Đạo Thành giúp đỡ công việc” [20; 349]. Như vậy, hoàng thái phi Ỗ Lan không được tham dự chính quyền cho dù trước đó (năm 1069) bà đã cho thấy khả năng quản lí, điều hành đất nước. Cách phân quyền này phản ánh sự phức tạp của hậu cung: một bên là “mẹ đích” (Thượng Dương), một bên là “mẹ sinh” (Ỗ Lan), dẫn đến thế đối lập quyền lực ngay trong triều đình. A.B.Poliakov nhận định rằng, chính ở thời điểm này, các quan đại thần đang đấu tranh với nhau giành quyền lực [24; 97]. Như vậy, cuộc đấu tranh quyền lực không chỉ diễn ra trong hậu cung mà còn lan rộng sang giới quan lại cao cấp.

Đại Việt sử kí toàn thư chép: “Năm 1073, giam hoàng thái hậu họ Dương, tôn hoàng thái phi làm Linh Nhân hoàng thái hậu... Vua bèn sai giam Dương thái hậu và thị nữ 76 người vào cung Thượng Dương rồi bức phải chết, chôn theo lăng Thánh Tông” [20; 350]. Biện pháp giành quyền lực của Ỗ Lan có phần tàn nhẫn, nhưng chính đây là bước ngoặt giúp bà khẳng định vai trò chính trị. Theo các nhà sử học, trong những năm đầu khi nhà vua còn nhỏ, trên thực tế tình hình triều chính nằm dưới sự quyết định của thái hậu Linh Nhân và các quan đại thần, và có lẽ chủ yếu là của thái hậu Linh Nhân [13; 146-147]. Tuy nhiên, những sự kiện được chính sử ghi chép lại cho thấy việc tham dự triều chính của thái hậu Linh Nhân kéo dài cho tới khi bà qua đời (năm 1117), tức là phần lớn thời gian của triều vua Lý Nhân Tông (1072-1127). Lịch sử ghi nhận, ở lần nhiếp chính thứ hai, bà đã làm được nhiều việc lớn, có ý nghĩa quan trọng trong xây dựng và phát triển đất nước.

Mùa xuân năm 1075, triều đình với tham dự của thái hậu Linh Nhân đã quyết định mở khoa thi Nho học đầu tiên, đánh dấu bước mở đầu nền giáo dục Nho học của Đại Việt, đặt nền tảng cho việc tuyển chọn quan lại bằng thi cử trong các thế kỷ sau. Năm 1086, nhà Lý mở tiếp khoa thi thứ hai. Trong tình hình khoa cử thời Lý còn chưa được tổ chức định kì, việc dưới triều vua Lý Nhân Tông tổ chức được hai khoa thi (trong tổng số 6 khoa ở thời Lý) chứng tỏ mối quan tâm của những người đứng đầu đất nước tới giáo dục Nho học.

Trong cuộc kháng chiến chống Tống (1075-1077), chính bà đã chủ động hoá giải những hiểm khích trong nội bộ triều đình, mời Thái sư Lý Đạo Thành trở lại Thăng Long, tạo thành khối đoàn kết trên dưới một lòng; góp phần quan trọng vào thành công của cuộc kháng chiến.

Vốn xuất thân từ chốn dân dã, nên thái hậu Linh Nhân hiểu rất rõ những vất vả, lo lắng của nhà nông. Năm 1077, triều đình cho đắp đê sông Như Nguyệt [22; 103]; năm 1108, đắp đê ở

phường Cơ Xá. Năm 1117, trước khi mất, bà còn khuyên nhà vua định lệnh cấm giết trâu, bò để bảo vệ sức kéo trong nông nghiệp. Sử chép: “Hoàng thái hậu nói: “Gần đây ở kinh thành, hương ấp, có nhiều người trốn tránh, lấy việc ăn trộm trâu làm nghề nghiệp, trăm họ cùng quần, mấy nhà cày chung một con trâu. Trước đây ta đã từng nói đến việc ấy nhà nước đã có lệnh cấm. Nay giết trâu lại càng nhiều hơn trước”. Bấy giờ vua xuống chiếu, kẻ nào mổ trộm trâu thì phạt 80 trượng...” [20; 363]... Mỗi quan tâm của thái hậu Linh Nhân còn mở rộng tới các vấn đề xã hội. Năm 1103, bà cho phát tiền ở kho nội phủ để chuộc con gái nhà nghèo đã phải bán đi ở đem gả cho đàn ông goá vợ. Về sự kiện này, Ngô Sĩ Liên nhận xét: “Thái hậu đôi đời cho họ, cũng là việc làm nhân chính vậy” [20; 359].

Trong quá trình điều hành đất nước, thái hậu Linh Nhân luôn bộc lộ sự gắn bó mật thiết với Phật giáo. Bà rất sùng đạo, thường xuyên triệu tập các tăng sĩ tới bàn luận về đạo. Theo Lê Thành Khôi, “Hoàng thái hậu đã cho hỏi các nhà sư về ý nghĩa của Phật giáo và hoàn cảnh đạo Phật du nhập vào Trung Quốc và Đại Việt. Quốc sư Thông Biện trả lời rõ ràng các câu hỏi của Hoàng thái hậu và chúng ta biết được nguồn gốc của đạo Phật ở Việt Nam là nhờ vị quốc sư này” [25; 178]. Bà cho dựng chùa, xây tháp, đúc chuông, cúng dường, tổ chức lễ trai giới, xin kinh Phật... Đặc biệt, vào năm 1097 và 1115, *Đại Việt sử kí toàn thư* chép: “thái hậu làm nhiều chùa Phật” [20; 358], và “Thái hậu dựng nhiều chùa thờ Phật, trước sau hơn trăm chùa” [20; 362]. Thái hậu Linh Nhân đóng vai trò quan trọng đối với sự phát triển của Phật giáo thế kỉ XI-XII, như tác giả của *Vương triều Lý* đã nhận định: “Đời sống Phật giáo thời kì này chịu ảnh hưởng bởi những người giúp đỡ vua lúc đó, nhất là thái hậu: người không chỉ là “thần mẫu” có vai trò to lớn trong việc dưỡng dục vua mà còn là người phụ nữ đầy quyền uy” [13; 147]. Sự sùng Phật và những hoạt động cúng dường, xây chùa, dựng tượng, đúc chuông do thái hậu Linh Nhân khởi xướng vừa phản ánh niềm tin cá nhân, vừa là chiến lược chính trị: dùng Phật giáo để củng cố tính chính danh và sự ủng hộ của quảng đại quần chúng. Sự kết hợp giữa quyền lực chính trị và tôn giáo giúp cho vai trò nhiếp chính của bà bền vững hơn trong bối cảnh nhà vua còn non trẻ.

Song song với việc cùng với các đại thần trong triều bàn bạc, giải quyết các việc trọng sự của quốc gia, thái hậu Linh Nhân còn đảm nhiệm vai trò của một người mẹ nuôi dưỡng và dạy dỗ vua con còn nhỏ tuổi. Dưới sự kèm cặp của bà, Lý Nhân Tông đã trở thành vị vua “sáng suốt thân võ, trí tuệ hiếu nhân, nước lớn sợ, nước nhỏ mến, thần giúp người theo, thông âm luật, chế ca nhạc, dân được giàu đông, mình được thái bình, là vua giỏi của triều Lý” [20; 349]. Ông cũng là vị vua có thời gian trị vì lâu nhất dưới thời Lý: 56 năm.

Trường hợp thái hậu Linh Nhân cũng mở ra tiền lệ về quyền nhiếp chính cho các phụ nữ trong hoàng cung triều Lý. Sau này, trong bối cảnh một số vị vua còn nhỏ tuổi lên ngôi (Lý Thần Tông, Lý Anh Tông, Lý Cao Tông, Lý Huệ Tông), các hoàng thái hậu đều được tôn làm nhiếp chính. Chẳng hạn, khi Lý Anh Tông mới ba tuổi lên ngôi (1138), “tôn mẹ là Cảm Thánh phu nhân họ Lê làm Hoàng thái hậu” để cùng các đại thần phò tá triều chính [20; 393]. Đến thời Lý Cao Tông (1175), mặc dù mẹ đẻ là Đỗ Thị đã được tôn làm Chiêu Thiên Chí Lý Hoàng thái hậu, nhưng Thái hậu Chiêu Linh vẫn có thể can dự sâu vào việc lập thái tử, thậm chí tham gia quyết định những vấn đề trọng đại của triều đình như chọn quan phụ chính [20; 416-417]. Trường hợp Lý Huệ Tông (1210-1224), hoàng thái hậu Đàm Thị cũng từng “cùng nghe chính sự” và trở thành nhân vật quyền lực trong những năm cuối của triều Lý [20; 427].

Như vậy, hiện tượng nhiếp chính của phụ nữ hoàng cung triều Lý không phải là cá biệt. Tuy nhiên, nổi bật nhất vẫn là trường hợp của Linh Nhân hoàng thái hậu, người đã khẳng định vai trò không chỉ trong giữ gìn ổn định triều chính mà còn trong mở mang giáo dục, phát triển kinh tế, gắn kết nhân tâm. Dù có những tranh luận về sự khắc nghiệt trong cách xử lý đối thủ, lịch sử vẫn ghi nhận bà là hình mẫu độc đáo: từ một cung phi xuất thân dân dã trở thành nhân vật nhiếp chính, để lại dấu ấn sâu đậm trong lịch sử chính trị – xã hội Đại Việt thế kỷ XI-XII.

Từ góc nhìn hiện đại, việc phụ nữ đảm nhiệm vai trò nhiếp chính dưới triều Lý phản ánh tính chất linh hoạt của cơ chế quản lý nhà nước thời kỳ này. Phật giáo với ảnh hưởng rộng rãi trong xã hội cùng với truyền thống dân gian tôn vinh hình tượng người mẹ, đã góp phần tạo nên môi trường văn hoá thuận lợi để phụ nữ hoàng cung có thể bước vào vũ đài chính trị khi hoàn cảnh đặt ra. Thêm vào đó, bằng năng lực và bản lĩnh cá nhân, thái hậu Linh Nhân là minh chứng cho thấy phụ nữ hoàng cung có thể đảm đương trọng trách lãnh đạo quốc gia trong những thời điểm then chốt của lịch sử Đại Việt.

2.3.2. Công chúa trong hôn nhân chính trị

Một phương diện quan trọng thể hiện vai trò của phụ nữ hoàng cung triều Lý trong đời sống chính trị – xã hội Đại Việt thế kỷ XI–XIII là hôn nhân chính trị của các công chúa với các thủ lĩnh dân tộc thiểu số. Công chúa nhà Lý trở thành nhân tố trung gian, gắn kết triều đình trung ương với các thế lực chính trị địa phương vùng biên viễn. Việc gả công chúa là một chính sách quan trọng, phản ánh chiến lược củng cố vương quyền và mở rộng ảnh hưởng của triều đình trung ương.

Theo ghi nhận của *Đại Việt sử ký toàn thư*, năm 1029, vua Lý Thái Tông gả công chúa Bình Dương cho châu mục châu Lạng là Thân Thiệu Thái [20; 316]. Năm 1036, công chúa Kim Thành được gả cho Lê Tông Thuận, châu mục châu Phong, và công chúa Trường Ninh được gả cho Hà Thiện Lãm, châu mục châu Thượng Oai [20; 319]; năm 1082, công chúa Khâm Thánh được gả cho Hà Di Khánh, châu mục châu Vị Long [20; 371]; công chúa Ngọc Kiều được gả cho châu mục họ Lê ở Chân Đăng.

Về cuộc hôn nhân của công chúa Ngọc Kiều, sử chép: “Phụ nhân tên là Ngọc Kiều, con gái lớn của Phụng Càn vương được Thánh Tông nuôi ở trong cung, lớn lên phong làm công chúa, gả cho châu mục châu Chân Đăng là người họ Lê, ...” [20; 362]. Chồng mất, bà đi tu, trở thành ni sư Diệu Nhân (1042–1113). *Thiền uyển tập anh* cho biết: “Ni sư húy là Ngọc Kiều, ... pháp danh là Diệu Nhân, trụ trì ở Ni viện Hương Hải, trở thành bậc mẫu mực trong hàng ni sư thời bấy giờ” [26; 233-234]. Đây là một trường hợp vừa phản ánh vai trò chính trị của hôn nhân, vừa cho thấy sự chuyển hóa của phụ nữ hoàng cung trong đời sống chính trị - tôn giáo.

Một trường hợp khác cũng rất đặc biệt là liên minh giữa động Giáp (châu Lạng) và triều đình Thăng Long thông qua các cuộc hôn nhân của ba thế hệ nối tiếp nhau. Chủ động là Giáp Thừa Quý lấy con gái Lý Công Uẩn rồi đổi ra họ Thân [27; 310-311]. Con trai của Giáp Thừa Quý là Thân Thiệu Thái được vua Lý gả công chúa Bình Dương. Năm 1066, con trai của Thân Thiệu Thái là Thân Đạo Nguyên kết duyên với công chúa Thiên Thành [20; 95]. Đây là đỉnh cao của mối liên minh, cho thấy gia tộc họ Thân đã trở thành một phần thuộc tầng lớp quý tộc nhà Lý.

Về cuộc hôn nhân giữa công chúa Khâm Thánh và châu mục châu Vị Long Hà Di Khánh, bia chùa Bảo Phúc cho biết ông của Hà Di Khánh giữ chức Thái bảo, lấy công chúa thứ ba của Lý Công Uẩn. Hà Di Khánh năm 10 tuổi (1078) được kết duyên cùng công chúa Khâm Thánh [28; 87-89].

Thế kỉ XII tiếp tục chứng kiến các cuộc hôn nhân chính trị của công chúa Lý. Năm 1127, 1144 lần lượt các công chúa Diên Bình, Thiệu Dung được gả cho thủ lĩnh phủ Phú Lương là Dương Tự Minh [20; 374-398]. Việc hai lần gả công chúa cho Dương Tự Minh có lẽ là một nước cờ chính trị mạnh mẽ của triều Lý, nhằm 'khóa chặt' lòng trung thành của vị thủ lĩnh miền biên ải và biến phủ Phú Lương thành tấm lá chắn vững chắc nhất nơi phen giậu phía Bắc. Tiếp đó, năm 1148 công chúa Thụy Thiên được gả về châu Lạng [20; 401].

Các tù trưởng thiểu số khi đã trở thành phò mã của triều đình cũng đồng thời là quan chức trong bộ máy chính quyền nhà Lý [10; 561-562], tham dự tích cực vào các hoạt động chính trị, quân sự của vương triều (như trường hợp Dương Tự Minh, Thân Thiệu Thái, Hà Di Khánh). Hôn nhân giữa công chúa với thủ lĩnh dân tộc thiểu số có thể coi là một công cụ quản lý xã hội hiệu quả, bổ sung cho các biện pháp hành chính, quân sự. Các công chúa triều Lý trên thực tế có

vai trò chính trị-xã hội-tôn giáo đan xen, vượt lên hình ảnh mờ nhạt của công chúa trong chính sử Nho giáo.

Tóm lại, hôn nhân của công chúa thời Lý vừa phục vụ lợi ích triều đình, vừa phản ánh vị trí đặc thù của phụ nữ hoàng cung trong chiến lược quản lí, phòng thủ vùng biên, khu vực mà quyền lực của triều đình trung ương yếu hơn so với ảnh hưởng của các thủ lĩnh địa phương. Điều này minh chứng rằng, phụ nữ hoàng cung không chỉ hiện diện trong không gian riêng tư của hậu cung, mà còn góp phần quan trọng vào chiến lược chính trị-xã hội của vương triều Lý.

2.3.3. Công chúa trong vai trò người kế vị và chuyển giao quyền lực

Người phụ nữ đầu tiên và duy nhất của vương triều Lý kế vị ngai vàng theo hình thức cha truyền con nối là Chiêu Hoàng, con gái vua Lý Huệ Tông. Việc lên ngôi diễn ra trong bối cảnh nhà Lý đã bước vào giai đoạn suy vi, quyền lực thực tế nằm trong tay các đại thần họ Trần; công chúa Chiêu Hoàng còn nhỏ tuổi. Cuộc hôn nhân giữa Chiêu Hoàng và Trần Cảnh được sắp đặt bởi Trần Thủ Độ như bước đệm cho việc chuyển giao triều chính. Tháng 10 năm 1225, Chiêu Hoàng xuống chiếu nhường ngôi cho chồng là Trần Cảnh. Tháng 12 năm đó, Trần Cảnh lên ngôi hoàng đế [20; 434-435]. Như vậy, hoạt động chính trị duy nhất của Chiêu Hoàng trên cương vị người đứng đầu đất nước được chính sử ghi nhận là thực hiện nghi thức nhường ngôi tại điện Thiên An.

Sự kiện này cho thấy khác biệt rõ rệt giữa hôn nhân chính trị trong giai đoạn thịnh trị của triều Lý và giai đoạn mạt kì. Nếu trước kia, công chúa triều Lý được gả cho các thủ lĩnh địa phương là một lựa chọn chủ động của triều đình nhằm mở rộng uy lực của chính quyền trung ương, đảm bảo an ninh vùng biên và tăng cường liên kết triều đình với địa phương về mọi phương diện, thì cuộc hôn nhân của Lý Chiêu Hoàng lại là kết quả của sự ép buộc, thỏa thuận mà vua Lý Huệ Tông không còn khả năng từ chối. Cuộc hôn nhân của công chúa Lý Chiêu Hoàng trở thành phương thức chuyển giao quyền lực, đánh dấu sự kết thúc vai trò lịch sử của dòng họ Lý.

Như vậy, đặt trong lịch sử phụ nữ hoàng cung triều Lý, công chúa Lý Chiêu Hoàng là một trường hợp đặc biệt. Nếu như những người phụ nữ có tố chất chính trị như Linh Nhân thái hậu từng nắm giữ thực quyền và tác động sâu rộng đến đời sống quốc gia, và nếu như các công chúa nhà Lý từng đóng vai trò quan trọng trong việc củng cố ảnh hưởng vương triều qua hôn nhân, thì Lý Chiêu Hoàng xuất hiện trên vũ đài chính trị bằng con đường kế vị chính danh nhưng không có thực quyền và trở thành nhân vật máu chốt trong tiến trình chuyển giao quyền lực sang tay họ Trần. Trong quan niệm của người đương thời, Chiêu Hoàng bị xem như người “đánh mất ngôi vị của nhà Lý”, đẩy cả hoàng tộc vào chỗ diệt vong [13; 254]. Lý Chiêu Hoàng sau khi nhường ngôi đã trở thành hoàng hậu đầu tiên của vương triều Trần, rồi bị giáng xuống làm công chúa.

Tóm lại, từ các hình thức tham chính tiêu biểu: Nhiếp chính, hôn nhân chính trị và kế vị - chuyển giao quyền lực của Lý Chiêu Hoàng có thể nhận thấy hoạt động và ảnh hưởng của phụ nữ hoàng cung thời Lý không chỉ giới hạn trong phạm vi cung cấm mà mở rộng ra ngoài Thăng Long, gắn với đời sống chính trị - xã hội của vương triều. Nhìn chung, phụ nữ hoàng cung triều Lý là một bộ phận trong cấu trúc quyền lực của vương triều, đồng thời là nhân tố quan trọng trong nhiều diễn biến chính trị của Đại Việt ở các thế kỉ XI-XIII.

3. Kết luận

Từ những phân tích về nhóm phụ nữ hoàng cung triều Lý được phản ánh qua các nguồn sử liệu, có thể rút ra một số nhận định sau:

1. Phụ nữ hoàng cung triều Lý có vai trò nổi bật, vượt ra ngoài ghi chép sơ lược của chính sử. Các trường hợp khảo sát cho thấy họ thực sự tham dự vào đời sống chính trị - xã hội của Đại Việt bằng nhiều phương thức khác nhau, để lại dấu ấn đáng kể trong lịch sử vương triều.

2. Bằng phương thức nhiếp chính, thái hậu Ý Lan là minh chứng tiêu biểu cho khả năng tham chính của phụ nữ trong cấu trúc quyền lực thời Lý. Bà khẳng định được năng lực và uy tín của mình trong triều đình và ngoài dân gian: từ nguyên phi trở thành thái hậu, tham dự trực tiếp vào quản lý quốc gia, xử lý các vấn đề trọng yếu của triều đình với sự giúp đỡ của các trung thần và sự nể trọng của vua con Lý Nhân Tông. Trường hợp thái hậu Ý Lan cho thấy, khi bối cảnh chính trị cho phép, phụ nữ có thể nắm thực quyền trong thiết chế quân chủ.

3. Các cuộc hôn nhân chính trị của công chúa phản ánh vị trí đặc biệt của họ trong quan hệ quyền lực giữa triều đình và vùng biên viễn. Thông qua những liên minh hôn nhân này, triều đình tăng cường gắn kết với thủ lĩnh các tộc người bản địa, củng cố chủ quyền; bảo vệ dân cư và nguồn lực ở những khu vực trọng yếu.

4. Cuối thời Lý, sự kế vị và cuộc hôn nhân của Lý Chiêu Hoàng cho thấy một dạng thức khác của sự tham dự quyền lực: kế vị trong bối cảnh khủng hoảng chính trị. Dù không nắm giữ thực quyền, bà giữ vai trò bản lề trong tiến trình chuyển giao quyền lực từ nhà Lý sang nhà Trần. Đây là một minh chứng cho việc phụ nữ hoàng cung có thể trở thành tác nhân trung gian khi cơ chế kế vị rơi vào khủng hoảng và vương triều ở vào giai đoạn suy vi không thể cứu vãn.

5. Nếu Ý Lan là hình mẫu phụ nữ hoàng cung nắm giữ thực quyền, can dự sâu vào công việc triều chính, thì Lý Chiêu Hoàng lại đại diện cho dạng thức quyền lực mang tính biểu tượng. Sự đối sánh này cho thấy quyền lực của phụ nữ hoàng cung không đồng nhất mà luôn vận động theo tương quan chính trị cụ thể của từng giai đoạn lịch sử.

Tóm lại, vai trò của phụ nữ hoàng cung triều Lý là một bức tranh phức tạp, phản ánh tính linh hoạt trong cấu trúc quyền lực của một thời đại mà ảnh hưởng của Nho giáo chưa chi phối sâu sắc đời sống chính trị. Phụ nữ hoàng cung triều Lý thực tế đã hiện diện như một thành tố trong cấu trúc quyền lực của triều đình Đại Việt thế kỷ XI–XIII, góp phần vào công cuộc xây dựng và quản lý đất nước. Sự đan xen giữa địa vị cao quý, năng lực cá nhân và yêu cầu chính trị của triều đại đã tạo nên không gian mở cho phụ nữ hoàng cung có thể tham dự vào đời sống chính trị của đất nước, dù với mức độ khác nhau. Điều đó cho thấy lịch sử vương triều Lý không chỉ được viết bởi các vị vua và nam giới, mà còn bởi những phụ nữ hoàng cung, dù hình ảnh và vai trò của họ thường bị giản lược hoặc mờ nhạt trong các bộ sử trung đại.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Yu Insun, (2024). "So sánh nhận thức lịch sử Việt Nam của Lê Văn Hưu và Ngô Sĩ Liên". Trần Tuyết Nhung và Anthony Reid chủ biên. *Việt Nam lịch sử không biên giới*. Omega+, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 66-98.
- [2] BT Tinh, (2009). *Phụ nữ và giới*. NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [3] TN Thìn, (2010). "Từ thực tiễn văn học Việt Nam, góp thêm một tiếng nói phương pháp luận vào cuộc thảo luận quốc tế về vấn đề Nho giáo và nữ quyền". *Tạp chí Triết học*, số 2, 15-23.
- [4] TTH Phúc, (2011). "Một số quan điểm về phụ nữ trong lịch sử tư tưởng trước Mác". *Tạp chí Nghiên cứu gia đình và giới*, 2(21), 23-36.
- [5] LT Thục, (2012). "Bình đẳng giới trong lãnh đạo chính trị ở Việt Nam nhìn từ góc độ cấu trúc". *Tạp chí Nghiên cứu gia đình và giới*, số 3, 27-41.
- [6] Zaytseva TI, (2016). "Lịch sử giới của giới tinh hoa cầm quyền trong bối cảnh các nghiên cứu trung cổ của các học giả Đức và Pháp". *Proslogion: Studies in Medieval and Early Modern Social History and Culture*. 2 (14), 218-243.
- [7] Thu Hiền sưu tầm, biên soạn, (2014). *Những người phụ nữ nổi tiếng trong lịch sử Việt Nam*. NXB Văn hoá thông tin, Hà Nội.
- [8] NV Cường (2009). "Hoàng thái hậu Ý Lan qua các nguồn sử liệu". *Kỷ yếu Hội thảo khoa học 1000 năm Vương triều Lý và kinh đô Thăng Long*. NXB Thế giới, Hà Nội, 61-73.

- [9] TV Lạng (2009). “Về mối quan hệ thân tộc của nhà Lý trên đất Bắc Giang”. *Kỉ yếu Hội thảo khoa học 1000 năm Vương triều Lý và kinh đô Thăng Long*. NXB Thế giới, Hà Nội, 565-574.
- [10] TTT Hà (2009). “Chính sách dân tộc của vương triều Lý qua trường hợp phò mã Dương Tự Minh”. *Kỉ yếu Hội thảo khoa học 1000 năm Vương triều Lý và kinh đô Thăng Long*. NXB Thế giới, Hà Nội, 555-564.
- [11] TQ Vượng (2013). *Phụ nữ Việt Nam từ góc nhìn văn hoá*. NXB Văn hóa Thông tin & Viện Văn hóa, Hà Nội.
- [12] Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Bảo tàng phụ nữ Việt Nam (1996). *Những gương mặt phụ nữ Việt Nam (qua tư liệu Hán Nôm)*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [13] NQ Ngọc chủ biên, (2022). *Vương triều Lý (1009-1226)*. NXB Hà Nội.
- [14] TTT Hà (2020). “Giáo dục và khoa cử Nho học thời Lý (thế kỉ XI-XIII)”. *Tạp chí khoa học Đại học Sài Gòn*. Số 70, 3-13.
- [15] NT Hiền, ĐTL Huệ (2020). “Cống phẩm trong mối quan hệ giữa địa phương và chính quyền trung ương dưới triều Lý (1009-1225) qua nguồn tư liệu thư tịch cổ của Việt Nam”. *Tạp chí Khoa học Đại học Sư phạm Hà Nội*, 65(5), 140 -152.
- [16] PH Lê chủ biên, (2017). *Lịch sử Việt Nam, Tập 1*. NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
- [17] ĐM Huân, (2009). “Định đô Thăng Long: Bài học về giữ vững an ninh, ổn định và phát triển đất nước”. *Kỉ yếu Hội thảo khoa học 1000 năm vương triều Lý và kinh đô Thăng Long*. NXB Thế giới, Hà Nội, 104-108.
- [18] PĐ Anh, (2015). *Mô hình tổ chức Nhà nước ở Việt Nam thế kỉ X-XIX*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
- [19] TQ Vượng, (1998). *Cơ sở văn hóa Việt Nam*. NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [20] NS Liên & các sử thần nhà Lê, (2009). *Đại Việt sử ký toàn thư, Tập 1*. NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [21] Quốc sử quán triều Nguyễn, (1998). *Khâm định Việt sử thông giám cương mục, Tập 1*. NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [22] TQ Vượng dịch, (2005). *Việt sử lược*. NXB Thuận Hóa – Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây.
- [23] Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Bảo tàng phụ nữ Việt Nam, (1996). *Những gương mặt phụ nữ Việt Nam qua tư liệu Hán Nôm*. NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [24] A.B.Poliakov, (1996). *Sự phục hưng của nước Đại Việt thế kỉ X-XIV*. NXB Chính trị Quốc gia, Viện Lịch sử quân sự, Hà Nội.
- [25] LT Khôi, (2014). *Lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến giữa thế kỉ XX*. Nhã Nam, NXB Thế giới, Hà Nội.
- [26] NĐ Thọ & NT Nga dịch và chú thích, (1990). *Thiên uyển tập anh*. NXB Văn học, Hà Nội.
- [27] LSY Hồ HX Hãn, (1998). *Trước tác, phần II: Lịch sử*. NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [28] NV Thịnh, HV Lâu & PVÁnh dịch chú và giới thiệu, (2007). *Văn bia thời Lý*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.